

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

QUÝ I - 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư đầu quý I	Số dư cuối quý I
I	Tài sản ngắn hạn	348,997,963,204	398,257,029,282
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	8,065,539,347	24,630,296,483
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	22,150,000,000	22,000,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	156,000,205,144	190,307,053,775
4	Hàng tồn kho	138,253,844,745	136,631,715,241
5	Tài sản ngắn hạn khác	24,528,373,968	24,687,963,783
II	Tài sản dài hạn	148,739,171,059	163,257,970,044
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	148,709,171,059	163,227,970,044
	- Tài sản cố định hữu hình	80,185,946,559	77,323,592,024
	- Tài sản cố định vô hình	16,843,202,857	16,732,423,447
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí XDCB dở dang	51,680,021,643	69,171,954,573
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	30,000,000	30,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	0	0
III	Tổng cộng tài sản	497,737,134,263	561,514,999,326
IV	Nợ phải trả	76,150,284,813	119,798,225,717
1	Nợ ngắn hạn	75,626,576,231	119,218,730,167
2	Nợ dài hạn	523,708,582	579,495,550
V	Vốn chủ sở hữu	421,586,849,450	441,716,773,609
1	Vốn chủ sở hữu	414,010,397,925	437,205,031,284
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	140,405,800,000	140,405,800,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	104,020,925,000	104,020,925,000
	- Quỹ đầu tư phát triển	102,404,249,703	106,404,249,703
	- Quỹ dự phòng tài chính	12,889,415,176	14,389,415,176
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	54,290,008,046	71,984,641,405
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	7,576,451,525	4,511,742,325
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	7,576,451,525	4,511,742,325
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		

VI	Tổng cộng nguồn vốn	497,737,134,263	561,514,999,326
-----------	----------------------------	------------------------	------------------------

II- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Quý I - 2008	Lũy kế từ đầu năm
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	201,251,398,331	201,251,398,331
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	564,400	564,400
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	201,250,833,931	201,250,833,931
4	Giá vốn hàng bán	154,757,209,742	154,757,209,742
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	46,493,624,189	46,493,624,189
6	Doanh thu từ hoạt động tài chính	287,261,773	287,261,773
7	Chi phí hoạt động tài chính	651,911,845	651,911,845
8	Chi phí bán hàng	9,351,423,638	9,351,423,638
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,829,071,500	5,829,071,500
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30,948,478,979	30,948,478,979
11	Thu nhập khác	140,833,129	140,833,129
12	Chi phí khác	5,932	5,932
13	Lợi nhuận khác	140,827,197	140,827,197
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31,089,306,176	31,089,306,176
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,352,502,865	4,352,502,865
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	26,736,803,311	26,736,803,311
17	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu		
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Tp.HCM, ngày 18 tháng 04 năm 2008

Người lập biểu

Tổng giám đốc

Phung Hữu Luân

Le Quang Doanh